

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /2022/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; Nghị định số 139/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2023 và thay thế Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung

học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học; Giám đốc các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Hội đồng GDQPAN Trung ương;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục CSVC, Vụ GDQPAN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Phúc



DANH MỤC

Thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học

(Kèm theo Thông tư số 19 /2022/TT-BGDĐT

ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Trường tiểu học, trung học cơ sở

1. Trường tiểu học

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 lớp	Ghi chú
1.1	Tài liệu			
1.1.1	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 1	Bộ	01	
1.1.2	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 2	Bộ	01	
1.1.3	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 3	Bộ	01	
1.1.4	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 4	Bộ	01	
1.1.5	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 5	Bộ	01	
1.2	Tranh in hoặc tranh điện tử			
1.2.1	Bộ tranh GDQPAN Lớp 1	Bộ	01	Một bộ gồm 06 tờ
1.2.2	Bộ tranh GDQPAN Lớp 2	Bộ	01	Một bộ gồm 06 tờ
1.2.3	Bộ tranh GDQPAN Lớp 3	Bộ	01	Một bộ gồm 06 tờ
1.2.4	Bộ tranh GDQPAN Lớp 4	Bộ	01	Một bộ gồm 06 tờ
1.2.5	Bộ tranh GDQPAN Lớp 5	Bộ	01	Một bộ gồm 06 tờ

2. Trường trung học cơ sở

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
2.1	Tài liệu			
2.1.1	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 6	Bộ	02	
2.1.2	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 7	Bộ	02	
2.1.3	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 8	Bộ	02	
2.1.4	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 9	Bộ	02	
2.2	Tranh in hoặc tranh điện tử			
2.2.1	Bộ tranh GDQPAN Lớp 6	Bộ	02	Một bộ gồm 06 tờ
2.2.2	Bộ tranh GDQPAN Lớp 7	Bộ	02	Một bộ gồm 06 tờ
2.2.3	Bộ tranh GDQPAN Lớp 8	Bộ	02	Một bộ gồm 06 tờ
2.2.4	Bộ tranh GDQPAN Lớp 9	Bộ	02	Một bộ gồm 06 tờ

II. Trường trung học phổ thông

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
1	Tài liệu			
1.1	Sách giáo khoa GDQPAN lớp 10, 11, 12	Bộ		Mỗi giáo viên 01 bộ gồm 03 quyển
1.2	Sách giáo khoa GDQPAN lớp 10, 11, 12	Quyển		Theo nhu cầu của học sinh
2	Tranh in hoặc tranh điện tử			
2.1	Bộ tranh dùng cho lớp 10: Đội ngũ từng người không có súng; Đội ngũ tiểu đội; Một số loại bom, mìn, đạn; Kỹ thuật băng bó, cấp cứu; Các động tác cơ bản	Bộ	02	Một bộ gồm 10 tờ, theo tiêu chuẩn bộ mẫu thiết bị dạy học

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
	vận động trong chiến đấu.			
2.2	Bộ tranh dùng cho lớp 11: Súng trường CKC; Súng tiểu liên AK; Súng chống tăng B40, B41; Cầu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn; Thuốc nổ, đồ dùng gây nổ và kỹ thuật sử dụng; Tranh mìn bộ binh; Vật cản, vũ khí tự tạo; Tranh về trang bị của bộ đội phòng hóa; Bản đồ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia; Các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trang bị trong Công an nhân dân .	Bộ	02	<i>Một bộ gồm 10 tờ, theo tiêu chuẩn bộ mẫu thiết bị dạy học</i>
2.3	Bộ tranh dùng cho lớp 12: Sơ đồ Tổ chức quân đội và công an; Tổ chức hệ thống nhà trường quân đội, công an; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; Giới thiệu quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của Quân đội và Công an.	Bộ	02	<i>Một bộ gồm 10 tờ, theo tiêu chuẩn bộ mẫu thiết bị dạy học</i>
2.4	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN	Bộ	02	
2.5	Bản đồ địa hình quân sự	Bộ	20	<i>Một bộ gồm 9 tờ</i>
3	Mô hình vũ khí			
3.1	Mô hình súng tiểu liên AK luyện tập; CKC, AK, B40, B41 cắt bỏ	Khẩu		<i>Theo nhu cầu của từng trường</i>
3.2	Súng tiểu liên AK cấp 5 đã hoán cải, vô hiệu hóa	Khẩu	25	
3.3	Mô hình lựu đạn cắt bỏ	Quả	05	
3.4	Lựu đạn luyện tập	Quả	50	
3.5	Mô hình thuốc nổ bánh loại 200g	Bánh	20	
3.6	Mô hình vũ khí tự tạo	Hộp	02	
3.7	Mô hình mìn bộ binh cắt bỏ và tập	Bộ	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
3.8	Mô hình kíp số 8, nụ xùy	Cái	40	Mỗi loại 20 cái
3.9	Mô hình dây cháy chậm (05m)	Bộ	02	
3.10	Mô hình lượng nổ khối, lượng nổ dài	Bộ	04	Mỗi loại 02 bộ
4	Máy bắn tập			
4.1	Máy bắn tập: MBT-03; TBS-19/AK; HLAk-20	Bộ	01	Mỗi trường có thể dùng một trong 3 loại máy bắn tập;
4.2	Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập	Bộ	01	Trường có quy mô trên 20 lớp có thể trang bị 02 bộ
4.3	Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS - 07	Bộ	01	
5	Thiết bị khác			
5.1	Túi đựng hộp tiếp đạn súng tiểu liên AK, túi đựng lựu đạn	Chiếc	20	
5.2	Khung và mặt bia số 4	Bộ	20	
5.3	Giá đặt bia đa năng	Chiếc	20	
5.4	Kính kiểm tra ngắm	Chiếc	04	
5.5	Đồng tiền di động	Chiếc	02	
5.6	Mô hình đường đạn trong không khí	Chiếc	02	
5.7	Hộp dụng cụ huấn luyện	Bộ	04	
5.8	Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả	Bộ	01	
5.9	Dụng cụ băng bó cứu thương	Bộ	15	
5.10	Cáng cứu thương	Chiếc	05	
5.11	Giá súng và bàn thao tác	Bộ		Theo nhu cầu sử dụng của từng trường
5.12	Tủ đựng súng và đựng thiết bị	Bộ		
5.13	Khung và mặt bia số 6,7,10	Chiếc	30	Mỗi loại 10 chiếc
5.14	Bia ngắm trúng, ngắm chum	Chiếc	10	
5.15	Mỡ quay	Chiếc	10	
5.16	Khí tài phòng hô hấp (Mặt nạ	Chiếc	20	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
	phòng độc MV-5)			
5.17	Khí tài phòng đa L-1	Bộ	05	
5.18	Bao tiêu độc cá nhân TCV-10	Bộ	05	
5.19	Phòng học bộ môn GDQPAN	Phòng	01	
5.20	Kho đồ trang thiết bị môn học GDQPAN	Phòng	01	
6	Trang phục			
6.1	Trang phục giáo viên GDQPAN		Số lượng cho 1 giáo viên	
6.1.1	Trang phục mùa đông	Bộ	01	<i>Dùng cho các trường phía Bắc (Từ đèo Hải Vân trở ra)</i>
6.1.2	Trang phục mùa hè	Bộ	01	
6.1.3	Trang phục dã chiến	Bộ	01	
6.1.4	Mũ kepi	Chiếc	01	
6.1.5	Mũ cứng cuốn vành	Chiếc	01	
6.1.6	Mũ mềm dã chiến	Chiếc	01	
6.1.7	Dây lưng	Chiếc	01	
6.1.8	Giày da	Đôi	01	
6.1.9	Giày vải cao cổ	Đôi	01	
6.1.10	Bít tất	Đôi	02	
6.1.11	Sao mũ kepi GDQPAN	Chiếc	01	
6.1.12	Sao mũ cứng GDQPAN	Chiếc	01	
6.1.13	Sao mũ mềm GDQPAN	Chiếc	01	
6.1.14	Nền cấp hiệu GDQPAN	Đôi	01	
6.1.15	Nền phù hiệu GDQPAN	Đôi	01	
6.1.16	Biển tên	Chiếc	01	
6.1.17	Ca ra vát	Chiếc	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
6.2	Trang phục học sinh GDQPAN			<i>Theo nhu cầu sử dụng của từng trường</i>
6.2.1	Trang phục (Dùng chung hai mùa)	Bộ		<i>Nền cấp hiệu, phù hiệu, biển tên GDQPAN may liền áo</i>
6.2.2	Áo bông	Chiếc		<i>Dùng cho các trường phía Bắc (Từ đèo Hải Vân trở ra)</i>
6.2.3	Mũ cứng cuốn vành	Chiếc		
6.2.4	Mũ mềm	Chiếc		
6.2.5	Giày vải cao cổ	Đôi		
6.2.6	Bít tất	Đôi		
6.2.7	Dây lưng	Chiếc		
6.2.8	Sao mũ cứng GDQPAN	Chiếc		
6.2.9	Sao mũ mềm GDQPAN	Chiếc		

III. Trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học

Áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học được giao tự chủ giảng dạy và trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
1	Tài liệu			
1.1	Giáo trình GDQPAN (Tập 1)	Quyển		<i>Mỗi Giảng viên 1 bộ gồm 2 quyển; Sinh viên theo nhu cầu của từng trường</i>
1.2	Giáo trình GDQPAN (Tập 2)	Quyển		
2	Tranh in hoặc tranh điện tử			
2.1	Bộ tranh vũ khí bộ binh (súng tiểu liên AK, CKC, RPD, B40, B41)	Bộ	01	<i>Một bộ gồm 06 tờ</i>
2.2	Bộ tranh mìn bộ binh	Bộ	01	<i>Một bộ gồm 09 tờ</i>

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
2.3	Các tư thế, động tác bắn súng tiểu liên AK	Bộ	01	Một bộ gồm 02 tờ
2.4	Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn	Tờ	01	Một bộ gồm 02 tờ
2.5	Vũ khí hủy diệt lớn và cách phòng tránh	Bộ	01	Một bộ gồm 03 tờ
2.6	Sơ đồ Tổ chức quân đội và Tổ chức Công an	Bộ	01	Một bộ gồm 06 tờ
2.7	Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN	Bộ	02	
3	Bản đồ quân sự			
3.1	Bản đồ địa hình quân sự	Bộ	20	Một bộ gồm 9 tờ
3.2	Ổng nhôm	Chiếc	20	
3.3	Địa bàn	Chiếc	20	
3.4	Thước chỉ huy	Chiếc	20	
3.5	Thước 3 cạnh	Chiếc	20	
3.6	Bàn đặc gỗ 40 x 60 cm	Chiếc	20	
3.7	Giá 3 chân cao 70 cm	Bộ	20	
4	Mô hình vũ khí			
4.1	Mô hình súng tiểu liên AK luyện tập; súng tiểu liên AK, CKC, B40, B41 cất bỏ	Khẩu		Theo nhu cầu của từng trường
4.2	Súng tiểu liên AK cấp 5 hoán cải, vỏ hiệu hóa	Khẩu	25	
4.3	Mô hình lựu đạn cất bỏ	Quả	05	
4.4	Lựu đạn luyện tập	Quả	50	
4.5	Mô hình thuốc nổ bánh loại 200g	Bánh	20	
4.6	Mô hình kíp số 8, nụ xùy	Cái	40	Mỗi loại 20 cái
4.7	Mô hình dây cháy chậm (05m)	Bộ	05	
4.8	Mô hình lượng nổ khối, lượng nổ dài	Bộ	10	Mỗi loại 05 bộ
4.9	Mô hình vũ khí tự tạo	Hộp	02	
4.10	Mô hình mìn bộ binh cất bỏ và tập	Bộ	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
4.11	Lựu đạn tập nổ nhiều lần LĐ-15	Bộ	02	
4.12	Mô hình hàng rào chống bộ binh	Bộ	01	
5	Máy bắn tập			
5.1	Máy bắn tập: MBT- 03; TBS-19/AK; HLAK-20	Bộ	02	<i>Mỗi trường có thể dùng 1 trong 3 loại máy</i>
5.2	Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập	Bộ	02	
5.3	Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07	Bộ	02	
6	Thiết bị khác			
6.1	Túi đựng hộp tiếp đạn súng tiểu liên AK, túi đựng lựu đạn	Bộ	20	
6.2	Khung và mặt bia số 4	Bộ	20	
6.3	Giá đặt bia đa năng	Chiếc	20	
6.4	Kính kiểm tra ngắm	Chiếc	04	
6.5	Đồng tiền di động	Chiếc	02	
6.6	Mô hình đường đạn trong không khí	Chiếc	02	
6.7	Hộp dụng cụ huấn luyện	Bộ	04	
6.8	Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả	Bộ	01	
6.9	Dụng cụ băng bó cứu thương	Bộ	15	
6.10	Cáng cứu thương	Chiếc	05	
6.11	Giá súng và bàn thao tác	Bộ		<i>Theo nhu cầu sử dụng của từng trường</i>
6.12	Tủ đựng súng và dụng cụ thiết bị	Chiếc		
6.13	Khung và mặt bia số 6, 7, 10	Chiếc	30	<i>Mỗi loại 10 chiếc</i>
6.14	Bia ngắm trúng, ngắm chụm	Chiếc	10	
6.15	Mô quay	Chiếc	10	
6.16	Khí tài phòng hô hấp (Mặt nạ phòng độc MV-5)	Chiếc	50	
6.17	Khí tài phòng da L-1	Bộ	05	
6.18	Bao tiêu độc cá nhân TCN- 10	Bộ	05	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
7	Phòng học chuyên dụng			
7.1	Máy tính, máy chiếu, màn chiếu dùng cho giảng viên giảng dạy	Bộ	01	
7.2	Tranh huấn luyện treo tường	Chiếc	10	
7.3	Phần mềm hỗ trợ giảng dạy, học tập (Simbook)	Bộ	01	<i>Theo nhu cầu sử dụng của từng trường</i>
7.4	Mô hình cắt bỏ vũ khí bộ binh, mô hình vũ khí tự tạo	Bộ	01	
8	Trang phục			
8.1	Trang phục giảng viên và cán bộ quản lý GDQPAN		Số lượng cần cho 1 người	
8.1.1	Trang phục mùa đông	Bộ	01	<i>Dùng cho các tỉnh phía Bắc (Từ đèo Hải Vân trở ra)</i>
8.1.2	Trang phục mùa hè	Bộ	01	
8.1.3	Trang phục dã chiến	Bộ	01	
8.1.4	Mũ kepi	Chiếc	01	
8.1.5	Mũ cứng cuốn vành	Chiếc	01	
8.1.6	Mũ mềm	Chiếc	01	
8.1.7	Dây lưng	Chiếc	01	
8.1.8	Giày da	Đôi	01	
8.1.9	Giày vải cao cổ	Đôi	01	
8.1.10	Bít tất	Đôi	02	
8.1.11	Sao mũ kepi GDQPAN	Chiếc	01	
8.1.12	Sao mũ cứng GDQPAN	Chiếc	01	
8.1.13	Sao mũ mềm GDQPAN	Chiếc	01	
8.1.14	Nền cấp hiệu GDQPAN	Đôi	01	
8.1.15	Nền phù hiệu GDQPAN	Đôi	01	
8.1.16	Biển tên	Chiếc	01	
8.1.17	Ca ra vát	Chiếc	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng cần cho 1 trường	Ghi chú
8.2	Trang phục cho sinh viên học GDQPAN		Số lượng cần cho 1 người	Các trường căn cứ vào quy mô sinh viên mua sắm đủ cho sinh viên mượn khi học môn GDQPAN
8.2.1	Trang phục (Dùng chung hai mùa)	Bộ	02	
8.2.2	Áo bông	Chiếc	01	Dùng cho các tỉnh phía Bắc (Từ đèo Hải Vân trở ra)
8.2.3	Mũ cứng cuốn vành	Chiếc	01	
8.2.4	Mũ mềm	Chiếc	01	
8.2.5	Giày vải cao cổ	Đôi	01	
8.2.6	Bít tất	Đôi	02	
8.2.7	Dây lưng	Chiếc	01	
8.2.8	Ba lô 3 túi	Chiếc	01	
8.2.9	Vỏ chăn in loang	Chiếc	01	
8.2.10	Ruột chăn sơ pốp	Chiếc	01	
8.2.11	Màn tuyn cá nhân	Chiếc	01	
8.2.12	Chiếu côi cá nhân	Chiếc	01	
8.2.13	Gối mút hơi K12	Chiếc	01	
8.2.14	Sao mũ cứng GDQPAN	Chiếc	01	
8.2.15	Sao mũ mềm GDQPAN	Chiếc	01	